

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển Cao đẳng vừa làm vừa học
ngành Giáo dục Mầm non đợt 2 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Bắc Ninh về việc xác định danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-CĐSPBN ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển Cao đẳng vừa làm vừa học ngành Giáo dục Mầm non đợt 2 ngày 26/8/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ vừa làm vừa học đợt 2 tháng 8 năm 2025 cho 29 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Lãnh đạo trường, trưởng các đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Hữu Tuyển



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG VLVH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON ĐỢT 2 - THÁNG 8 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 113 ngày 26/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh)

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	Học lực lớp 12	Tổng điểm	ĐUT KV	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
1	VLVH2.110	027307005728	Trần Thị Ánh	23/10/2007	2025	19	04	2NT		C00	VA	7.9	SU	7.9	ĐI	8.6	Khá	24.40	0.50	24.77	
2	VLVH2.152	027307007074	Nguyễn Vũ Ngọc Ánh	24/11/2007	2025	19	05	2		C00	VA	7.5	SU	8.1	ĐI	8.7	Khá	24.30	0.25	24.49	
3	VLVH2.72	027307010872	Dương Thùy Châm	05/11/2007	2025	19	06	2		C00	VA	8.1	SU	8.8	ĐI	8.0	Tốt	24.90	0.25	25.07	
4	VLVH2.22	027193008207	Nguyễn Thị Chính	18/02/1993	2011	19	01	2		C00	VA	7.7	SU	8.5	ĐI	8.2	Giỏi	24.40	0.00	24.40	
5	VLVH2.98	027307008425	Nguyễn Thị Thu Giang	20/11/2007	2025	19	05	2		D01	TO	8.2	VA	7.8	N1	8.1	Tốt	24.10	0.25	24.30	
6	VLVH2.66	027304005689	Nguyễn Thị Hà	26/6/2004	2022	19	06	2NT		C00	VA	9.1	SU	7.9	ĐI	9.3	Giỏi	26.30	0.00	26.30	
7	VLVH2.145	027307007386	Nguyễn Thị Thu Hà	15/3/2007	2025	19	07	2NT		D01	TO	9.0	VA	8.0	N1	7.3	Khá	24.30	0.50	24.68	
8	VLVH2.44	027199002827	Nguyễn Thị Hân	23/11/1999	2017	19	01	2		C00	VA	7.0	SU	8.7	ĐI	8.6	Khá	24.30	0	24.30	
9	VLVH2.151	027307004441	Hà Thị Khánh Hiền	14/10/2007	2025	19	06	2		D01	TO	8.6	VA	8.1	N1	8.2	Tốt	24.90	0.25	25.07	
10	VLVH2.116	001305043748	Phùng Thị Thu Hiền	10/02/2005	2023	01	17	2		C00	VA	6.6	SU	9.2	ĐI	9.1	Khá	24.90	0.00	24.90	
11	VLVH2.29	027199009035	Nguyễn Thị Mai Hoa	02/01/1999	2017	19	08	2NT		C00	VA	8.6	SU	7.4	ĐI	8.4	Khá	24.40	0.00	24.40	
12	VLVH2.56	027199006278	Nguyễn Thị Huyền	29/10/1999	2017	19	04	2NT		C00	VA	8.8	SU	9.3	ĐI	9.2	Giỏi	27.30	0.00	27.30	
13	VLVH2.153	027307000116	Nguyễn Khánh Huyền	13/3/2007	2025	19	01	2		C00	VA	8.0	SU	8.4	ĐI	8.6	Tốt	25.00	0.25	25.17	
14	VLVH2.149	037307001658	Phạm Mai Hương	19/11/2007	2025	18	08	1		D01	TO	9.7	VA	8.4	N1	8.7	Tốt	26.80	0.75	27.12	
15	VLVH2.31	027300009579	Nguyễn Thị Nhật Lệ	13/9/2000	2018	22	04	2NT		D01	TO	8.9	VA	8.1	N1	8.5	Giỏi	25.50	0.00	25.50	
16	VLVH2.154	027307001128	Nguyễn Kim Nhật Linh	02/8/2007	2025	19	03	2		C00	VA	8.4	SU	8.0	ĐI	8.8	Tốt	25.20	0.25	25.36	
17	VLVH2.156	027307007851	Lê Thị Phương Linh	20/11/2007	2025	19	01	2		C00	VA	7.8	SU	8.5	ĐI	8.8	Tốt	25.10	0.25	25.26	
18	VLVH2.61	027307004478	Nguyễn Thùy Linh	10/5/2007	2025	19	02	2NT		D01	TO	8.7	VA	8.2	N1	8.0	Tốt	24.90	0.50	25.24	
19	VLVH2.30	027302008734	Nguyễn Thị Linh	24/11/2002	2020	19	03	2NT		D01	TO	8.4	VA	8.1	N1	8.5	Giỏi	25.00	0.00	25.00	
20	VLVH2.141	027307008357	Đinh Khánh Linh	10/3/2007	2025	19	02	2NT		D01	TO	8.5	VA	8.1	N1	7.9	Tốt	24.50	0.50	24.87	
21	VLVH2.76	027307008585	Hoàng Phương Linh	15/7/2007	2025	19	05	2		C00	VA	8.0	SU	8.1	ĐI	8.1	Khá	24.20	0.25	24.39	
22	VLVH2.33	027307008066	Ngô Hằng Nga	07/11/2007	2025	19	05	2		C00	VA	8.2	SU	8.2	ĐI	7.7	Khá	24.10	0.25	24.30	
23	VLVH2.13	027198007426	Lê Thị Kim Ngân	20/03/1998	2016	19	02	2NT		D01	TO	9.4	VA	7.1	N1	8.5	Giỏi	25.00	0.00	25.00	



TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Năm TN	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	Học lực lớp 12	Tổng điểm	ĐUT KV	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
24	VLVH2.47	001304034319	Nguyễn Tâm	Như	12/11/2004	2022	19	02	2		C00	VA	7.4	SU	8.6	ĐI	8.5	Khá	24.50	0.00	24.50	
25	VLVH2.83	027307004337	Hà Minh	Tuyết	13/02/2007	2025	19	03	2		D01	TO	7.5	VA	8.4	N1	8.4	Khá	24.30	0.25	24.49	
26	VLVH2.101	001306019369	Bùi Thu	Trang	02/12/2006	2024	01	12	2		C00	VA	8.1	SU	8.0	ĐI	8.7	Giỏi	24.80	0.25	24.97	
27	VLVH2.155	027307007969	Nguyễn Ngọc	Trình	08/10/2007	2025	19	02	2		C00	VA	8.0	SU	8.9	ĐI	8.4	Tốt	25.30	0.25	25.46	
28	VLVH2.124	027199002329	Vũ Thị Anh	Vân	01/10/1999	2017	19	01	2		D01	TO	8.0	VA	8.3	N1	9.1	Giỏi	25.40	0.00	25.40	
29	VLVH2.65	027306004649	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/02/2006	2024	19	08	2NT		D01	TO	8.0	VA	8.5	N1	8.1	Giỏi	24.60	0.50	24.96	

(Danh sách gồm 29 thí sinh)

